

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/7/2019.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Lại

Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/7/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số:181/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/06/2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐST- HNGĐ ngày 21/6/2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1989(Có mặt)

HKTT: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang

-Bị đơn: Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1990(Xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Đoàn Văn H kết hôn với nhau ngày 10/9/2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Việt Yên. Trước khi cưới hai vợ chồng chị có được tìm hiểu nhau khoảng thời gian vài tháng rồi kết hôn. Sau khi tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương,

chị về làm dâu gia đình anh H ngay, vợ chồng chung sống với bố mẹ anh H một thời gian thì lên Tân Yên quê chị ở. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có quan hệ bất chính với người khác và suốt ngày rượu chè, cờ bạc. Chị và gia đình có khuyên bảo thì anh H xin lỗi chị nhưng được một thời gian lại tiếp diễn, không quan tâm, lo cho gia đình vợ con. Tháng 10 năm 2015, anh H bị tai nạn giao thông và từ đó cho đến nay, anh H sống cùng với bố mẹ tại thôn T, Nghĩa Trung. Vợ chồng ly thân từ đó, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị Đ xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 06/6/2011 và cháu Đoàn Thị Thanh H, sinh ngày 22/10/2013. Hiện nay cháu N và cháu H đang ở cùng chị và phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn có trong hồ sơ - Anh Đoàn Văn H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn với nhau năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Việt Yên. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu khoảng 4-5 tháng rồi đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương chị Đ về làm dâu gia đình nhà anh ngay và sống chung cùng bố mẹ anh khoảng 01 tháng thì vợ chồng ra ở riêng trên T quê chị Đ. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh có quan hệ bất chính với người khác nên chị Đ có ghen. Vợ chồng anh không đánh cãi, chửi nhau bao giờ. Tuy nhiên, năm 2015 anh bị tai nạn giao thông ở Bắc Ninh và từ đó cho đến nay anh sống tại nhà bố mẹ ở N còn chị Đ vẫn ở Tân Yên, một năm xuống thăm anh một lần. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Đ xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 06/6/2011 và cháu Đoàn Thị Thanh H, sinh ngày 22/10/2013. Hiện nay cháu N và cháu H đang ở cùng chị Đ và phát triển bình thường. Ly hôn, anh đồng ý để chị Đ nuôi cả 02 con chung của vợ chồng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì hiện nay sức khỏe anh không tốt, không đi lại xuống Tòa án được, anh đã có lời khai trong hồ sơ nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – Chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Về quan hệ vợ chồng chị xin ly hôn với anh H. Về con chung, chị có nguyện vọng được nuôi con chung của vợ chồng là cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 06/6/2011 và cháu Đoàn Thị Thanh H, sinh ngày 22/10/2013. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác không có chị không có yêu cầu gì.

Anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai, chị Đ không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Đoàn Văn H.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 06/6/2011 và cháu Đoàn Thị Thanh H, sinh ngày 22/10/2013. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Việc khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ xin ly hôn anh Đoàn Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ vợ chồng: Chị Đ và anh H đều trình bày trong hồ sơ anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 10/09/2010 tại UBND xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị Đ cũng đã cung cấp được đăng ký kết hôn bản gốc. Như vậy hôn nhân của chị Đ và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay

chị Đ xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn tuy nhiên vì hiện nay sức khỏe của anh H không tốt, anh không xuống Tòa án được và anh đã có lời khai trong hồ sơ nên anh xin xét xử vắng mặt. Việc đồng ý ly hôn của anh H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc gì. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

[3]Về con chung: Vợ chồng chị Đ, anh H có 02 con chung là c cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 06/6/2011 và cháu Đoàn Thị Thanh H, sinh ngày 22/10/2013. Hiện nay các con chung đang ở cùng chị Đ và phát triển bình thường. Ly hôn, chị Đ có nguyện vọng được nuôi cháu N và cháu H, anh H đồng ý để chị Đ nuôi con chung nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị Đ anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[4]Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị Đ, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]Anh H xin xét xử vắng mặt vì có lý do chính đáng nên cần xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[6]Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Đoàn Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 06/6/2011 và cháu Đoàn Thị Thanh H, sinh ngày 22/10/2013. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị Đ, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai

số AA/2012/05431 ngày 12/06/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.
Chị Đ đã nộp đủ án phí DSST.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Việt Yên;
- Chi cục THADS H. Việt Yên;
- Đương sự;
- UBND xã N.
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên